TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 163/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 11 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2021/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tào Thị G, sinh năm 1992. NĐKHKTT: Thôn Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn TrungT, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 03 tháng 8 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2021là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tào Thị G và anh Nguyễn Trung T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về tình cảm: Chị Tào Thị G và anh Nguyễn Trung T nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 29/04/2013 anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Bảo Anh cho tới khi cháu trưởng T (đủ 18 tuổi) anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị G và anh T đều xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung của vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Chị G nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003125 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị Chí được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Ch, M, huyện Mường La;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân